

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
TUẦN 12 (TỪ 22/11/21 ĐẾN 27/11/21)

1. MÔN: CÔNG NGHỆ 9

A- LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 12- Bài 6: Thực hành: LẮP MẠCH ĐIỆN BẢNG ĐIỆN

I. Dụng cụ, vật liệu và thiết bị:

- Dụng cụ: kim, tuavit, dùi khoan, thước kẻ, bút chì, gôm,...
- Vật liệu và thiết bị : 1 bảng điện (16x20), 1 ổ cắm điện, 2 cầu chì, 1 công tắc hai cực, 1 đui đèn, 5m dây đơn cứng (hai màu), 1 phích cắm

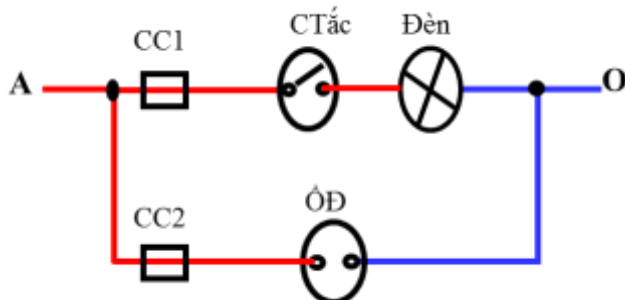
II. Nội dung và trình tự thực hành:

1- Tìm hiểu chức năng của bảng điện:

- Có 2 loại bảng điện: bảng điện chính và bảng điện nhánh
- Bảng điện chính: cung cấp điện cho toàn bộ hệ thống điện trong nhà. Trên bảng điện chính thường lắp cầu dao, cầu chì (hoặc áp tô mát tổng).
- Bảng điện nhánh: cung cấp điện tới đồ dùng điện. Trên bảng điện nhánh thường lắp cầu chì, công tắc, ổ cắm điện,
- Kích thước của bảng điện phụ thuộc số lượng và kích thước của các thiết bị lắp trên đó.

2- Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện bảng điện:

a) Tìm hiểu sơ đồ nguyên lý:



- +Mạch điện gồm: 2 cầu chì, 1 ổ điện, 1 công tắc 2 cực, 1 đèn
- +Mạch điện gồm 2 nhánh mắc song song nhau
- Nhánh 1 gồm: 1 cầu chì, 1 công tắc 2 cực, 1 đèn mắc nối tiếp nhau;
- Nhánh 2 gồm 1 cầu chì nối tiếp với ổ điện

B - LUYỆN TẬP:

Câu 1: Thế nào là bảng điện chính và bảng điện nhánh?

Câu 2: Quan sát sơ đồ nguyên lý hãy cho biết mạch điện gồm những phần tử nào?

C-DẶN DÒ:

- Học sinh ôn lại bài, ghi bài vào tập
- Hoàn thành bài tập tuần 12 trên trang lớp học, hạn chót 17h-26/11/21
- Xem trước bài 6 - Thực hành lắp mạch điện bảng điện (phần tiếp theo)

-----HẾT-----

2. MÔN: HÓA HỌC KHỐI 9

CHỦ ĐỀ 5: TÍNH CHẤT CỦA KIM LOẠI – DÂY HOẠT ĐỘNG HÓA HỌC CỦA KIM LOẠI

I/ Tính chất vật lý:

- Kim loại có tính dẻo (vd: Kẽm có tính dẻo, có thể dùng tay để uốn cong thanh kẽm)
- Kim loại có tính dẫn điện (vd: Đồng có tính dẫn điện, dùng dây đồng làm dây điện)
- Kim loại có tính dẫn nhiệt (vd: Nhôm có tính dẫn nhiệt, dùng nồi nhôm để đun nấu thức ăn)
- Kim loại có tính ánh kim (vd: Vàng có tính ánh kim đẹp, dùng vàng làm trang sức)

II. Dây hoạt động hóa học kim loại (DHHHKL)

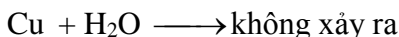
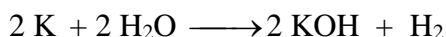
Dãy hoạt động hóa học của một số kim loại



Cách nhớ:

Khi Ba Cần Năng Mây Áo Záp Sắt Nên Sang Phố Hời Cửa Hàng Á Âu

1. Kim loại trước Mg tác dụng được với nước: (KL + H₂O → dd base + H₂)



2. Kim loại trước H tác dụng được với dd Acid: (KL + dd acid → muối + H₂)



3. Kim loại đứng trước (mạnh) đẩy kim loại đứng sau (yếu hơn) ra khỏi dung dịch muối: (từ Mg đến Au)

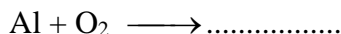
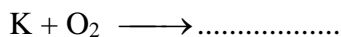


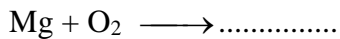
4. Từ trái sang phải trong dãy DHHHKL, mức độ hoạt động hóa học của các kim loại giảm dần.

III. Tính chất hóa học của Kim loại:

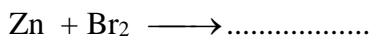
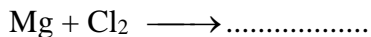
1. Kim loại tác dụng với Phi kim : (đã học ở lớp 8)

a/ Với oxygen: (trừ Ag, Au, Pt) (đã học ở lớp 8) (KL + O₂ → Basic oxide)

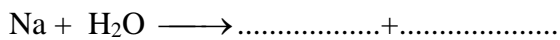
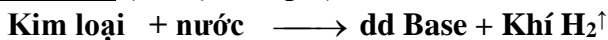




b/ Với Phi kim khác (KL + PK khác → muối)

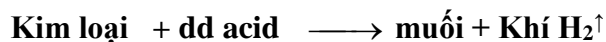


2. Một số kim loại tác dụng với nước: (đã học ở lớp 8) (K, Ca, Na, Ba, Li)



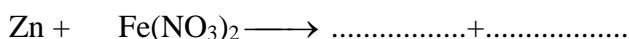
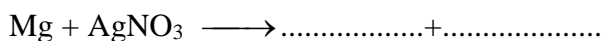
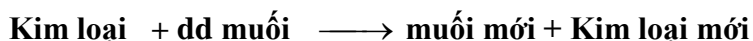
3. Một số kim loại tác dụng với dd acid: (đã học trong bài acid)

(Lưu ý: KL trước H trong DHHHKL mới tác dụng dd acid HCl, H₂SO₄ loãng)



4. Một số kim loại tác dụng với dd Muối: (đã học trong bài muối)

(Lưu ý: KL mạnh đẩy KL yếu ra khỏi dung dịch muối)



-----HẾT-----

3A. MÔN: TOÁN. ĐẠI SỐ LỚP 9

NỘI DUNG

- Củng cố điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song và trùng nhau.
- Biết xác định hệ số a, b trong các bài toán cụ thể. rèn luyện kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất
- Rèn luyện kỹ năng xác định hệ số a, hàm số $y = ax + b$.

LUYỆN TẬP

Sửa bài tập ở tuần 11

Bài 9: Viết phương trình đường thẳng (d) biết:

- 1) (d) qua A (2 ; 3) và song song với $(d_1) y = 3x - 4$
- 2) (d) qua B (-2 ; 1) và song song với $(d_2) y = -x + 3$
- 3) (d) qua C $(\frac{1}{2} ; 1)$ và có hệ số góc bằng 3
- 4) (d) qua N (4 ; 3) và cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng 2

Bài 10 : Cho $(d_1) y = -\frac{1}{2}x + 3$ và $(d_2) y = 2x + 4$

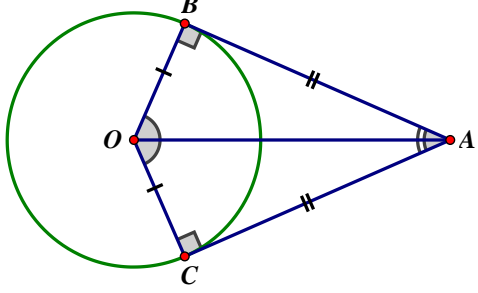
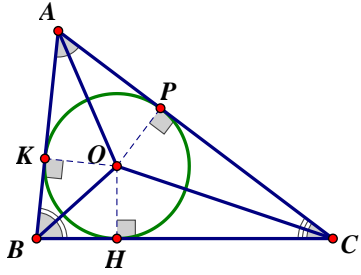
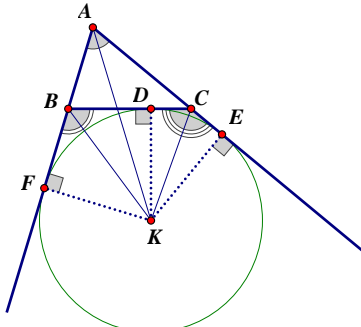
- a) Vẽ (d_1) , (d_2) trên cùng hệ trục tọa độ
- b) Tìm tọa độ giao điểm của (d_1) , (d_2) bằng phép tính
- c) Viết phương trình đường thẳng (d_3) , biết $(d_3) // (d_1)$ và (d_3) qua M (1;3)

Bài 11: Cho $(d_1) y = 2x - 1$ và $(d_2) y = -x + 2$

- a) Vẽ (d_1) , (d_2) trên cùng hệ trục tọa độ
- b) Tìm tọa độ giao điểm của (d_1) , (d_2) bằng phép tính
- c) Tìm m để $(d_3) y = (3m - 2)x + 1$ đồng quy với (d_1) , (d_2)
- d) Viết phương trình đường thẳng (d), biết (d) // (d_1) và (d) cắt (d_2) tại điểm có hoành độ bằng 3

3B. MÔN: TOÁN. HÌNH HỌC LỚP 9

TUẦN 12. Bài 6. TÍNH CHẤT HAI TIẾP TUYẾN CẮT NHAU.

<u>Tính chất</u>	<u>Hình Vẽ</u>
<p>1. Tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau Nếu hai tiếp tuyến của một đường tròn cắt nhau tại 1 điểm thì :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điểm đó cách đều hai tiếp điểm • Tia kẻ từ điểm đó đi qua tâm là tia phân giác của góc tạo bởi hai tiếp tuyến. • Tia kẻ từ tâm đi qua điểm đó là tia phân giác của góc tạo bởi hai bán kính đi qua các tiếp điểm. 	
<p>2. Đường tròn nội tiếp tam giác Đường tròn nội tiếp tam giác có tâm là giao điểm 3 đường phân giác trong của tam giác.</p> <p>Có thể nói 3 cạnh của tam giác là 3 tiếp tuyến của đường tròn đó.</p>	
<p>3. Đường tròn bàng tiếp tam giác: Đường tròn bàng tiếp tam giác có tâm là giao điểm của 1 đường phân giác góc trong và 2 đường phân giác của 2 góc ngoài tam giác.</p> <p>Có thể nói 3 cạnh của tam giác là 3 tiếp tuyến của đường tròn đó.</p>	

Bài 1. Cho đường tròn $(O, 3\text{cm})$. Lấy điểm D sao cho $OD = 5\text{cm}$. Từ D kẻ tiếp tuyến DE và DF đến (O) .

- Tính DE, DF
- Chứng minh OD là trung trực của EF
- Tính EF

Giải

a) ΔDEO vuông tại E (gt)

$$\Rightarrow OD^2 = OE^2 + DE^2 \text{ (pytago)}$$

$$\Rightarrow 5^2 = 3^2 + DE^2$$

$$\Rightarrow DE^2 = 5^2 - 3^2 = 16$$

$$\Rightarrow DE = \sqrt{16} = 4 \text{ cm}$$

Ta lại có DE và DF là 2 tiếp tuyến cắt nhau của (O)

$$\Rightarrow DE = DF = 4 \text{ cm}$$

b) Chứng minh OD là trung trực EF

Ta có

$$DE = DF \text{ (tính chất 2 tiếp tuyến cắt nhau)}$$

$$OE = OF \text{ (= bán kính)}$$

\Rightarrow OD là trung trực EF

c) ΔOED vuông tại E có đường cao EH

$$\Rightarrow EH \cdot OD = EO \cdot ED$$

$$\Rightarrow EH \cdot 5 = 3 \cdot 4$$

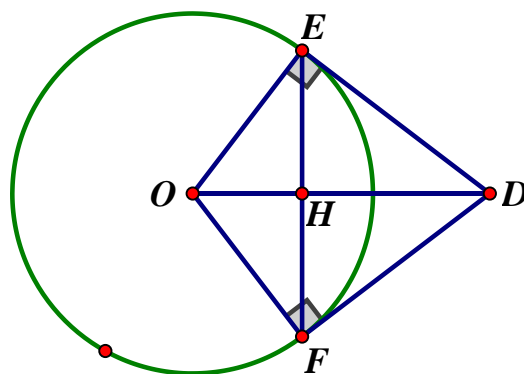
$$\Rightarrow EH = \frac{12}{5} = 2,4 \text{ cm}$$

Gọi H là giao điểm OD và EF

Do OD là trung trực EF (cmt)

\Rightarrow H là trung điểm EF

$$\Rightarrow EF = 2 \cdot EH = 2 \cdot 2,4 = 4,8 \text{ cm}$$



Bài 2. Cho đường tròn $(O;R)$ có dây cung BC. Hai tiếp tuyến tại B và C cắt nhau tại A

a) Chứng minh tam giác ABC cân

b) Gọi H là giao điểm của BC và OA. Chứng minh OH là khoảng cách từ O đến BC. Tính OH.

c) Chứng minh ABOC nội tiếp đường tròn tâm K. Xác định tâm K và bán kính

Bài 3. Cho nửa đường tròn tâm O, đường kính CD. Gọi a, b là 2 tiếp tuyến tại C và D. Lấy điểm $M \in$ nửa đường tròn (O). Vẽ tiếp tuyến tại M cắt a, b tại E, F.

a) Chứng minh $EF = EC + FD$.

b) Chứng minh $OE \perp OF$

c) Gọi I là giao điểm của CM và EO và J là giao điểm của MD và OF. Chứng minh IJOC là hình bình hành và $IJ \perp FD$.

Bài 4. Cho đường tròn (O,R) và điểm A nằm ngoài đường tròn sao cho $OA = 2R$. Từ A vẽ 2 tiếp tuyến AB và AC đến (O) (B, C là tiếp điểm). Lấy điểm M trên cung nhỏ BC, tiếp tuyến tại M cắt AB, AC lần lượt ở E, F. Chứng minh :

a) Bốn điểm O, A, B, C cùng thuộc một đường tròn.

b) Gọi H là giao điểm OA và BC chứng minh $AH \cdot AO = AB \cdot AC$

c) Chu vi tam giác AEF bằng 2 lần độ dài AB

d) Tính số đo góc EOF

-----HẾT-----

4. MÔN: ĐỊA LÝ 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Chủ đề 3: SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ.

(Từ bài 17 đến bài 29)

Vùng 2: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (TIẾP THEO)

♣BÀI 22 - THỰC HÀNH♣

- Vẽ biểu đồ:

+ Bài 1 SGK trang 80.

+ Bài 3 SGK trang 75 và trang 69.

- **Đọc tập bản đồ:** trang 20 + 21.

B. LUYỆN TẬP: Chọn 1 đáp án đúng nhất.

Câu 1: Hiện nay, vùng đồng bằng sông Hồng gồm mấy tỉnh, thành phố?

- 15
- 12
- 11
- 10

Câu 2: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng đồng bằng sông Hồng?

- Nam Định
- Hà Giang
- Ninh Bình
- Hưng Yên

Câu 3: Loại tài nguyên quý giá nhất của vùng là:

- Khí hậu
- Địa hình
- Đất phù sa
- Khoáng sản

Câu 4: Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:

- Đất phù sa màu mỡ
- Nguồn nước mặt phong phú
- Địa hình bằng phẳng
- Có một mùa đông lạnh

Câu 5: Nhận định nào sau đây không đúng với Đồng bằng Sông Hồng?

- Dân số đông nhất
- Đồng bằng có diện tích lớn nhất
- Năng suất lúa cao nhất
- Mật độ dân số cao nhất

* **Dặn dò:**

- Làm bài phần B. Luyện tập trên trang lohoc.

- Bài 22: Thực hành. (Câu 2: HS tự học)

- Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint trong tuần 13 vùng 3: Vùng Bắc Trung Bộ (bài 23 +24).

+ I) STT từ 20 đến 22.

+ II) STT từ 23 đến 28.

- + IV) STT từ 29 đến 35.
- + V) STT từ 36 đến 38.

-----HẾT-----

5. MÔN: THỂ DỤC 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Chủ đề: Chạy cự li ngắn (100m):

- Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự li ngắn
- Một số điều luật.

- **Kiến thức:** Biết cách thực hiện các giai đoạn của kỹ thuật Chạy cự li ngắn. Biết một số điều luật cơ bản về Chạy cự li ngắn.

- **Kỹ năng:** Thực hiện được các giai đoạn của kỹ thuật chạy cự li ngắn. (Học sinh tự tập luyện)

1. Các giai đoạn trong kỹ thuật chạy cự li ngắn:(gồm 4 giai đoạn)

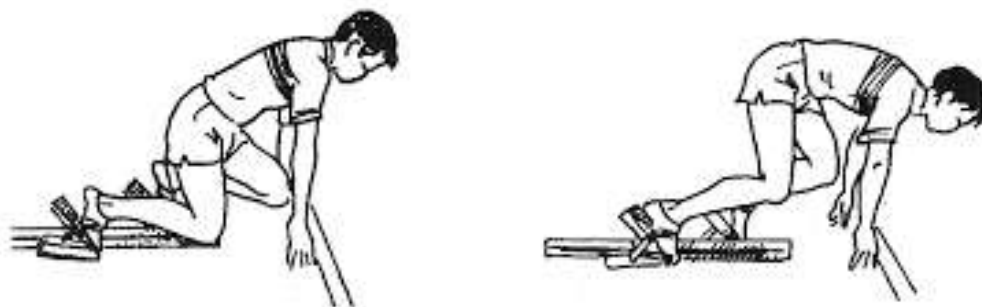
a. Giai đoạn xuất phát:

Trong chạy cự li ngắn người ta thường sử dụng kỹ thuật xuất phát thấp. **Xuất phát thấp** gồm 3 hiệu lệnh: "Vào chỗ", "Sẵn sàng", "Chạy!"

* Sau lệnh "Vào chỗ", Người chạy đứng thẳng trước bàn đạp của mình, ngồi xuống, chống hai tay trước vạch xuất phát; lần lượt đặt chân thuận vào bàn đạp trước, rồi chân kia vào bàn đạp sau. Hai chân nên nhún trên bàn đạp kiểm tra có vững không, để chỉnh sửa kịp thời. Tiếp đó hạ đầu gối chân phía sau xuống đường chạy, thu hai tay về sau vạch xuất phát, chống trên các ngón tay như đo gang. Khoảng cách giữa hai bàn tay rộng bằng vai. Kết thúc, cơ thể ở tư thế quỳ trên gối chân phía sau, lưng thẳng tự nhiên, đầu thẳng, mắt nhìn phía trước, cách vạch xuất phát 40 - 50cm; trọng tâm cơ thể dồn lên hai tay, bàn chân trước và đầu gối chân sau. Ở tư thế ổn định đó, người chạy chú ý nghe lệnh tiếp theo.

* Sau lệnh "Sẵn sàng", người chạy từ từ chuyển trọng tâm về phía trước, đồng thời từ từ nâng mông lên bằng hoặc cao hơn hai vai. Hai vai nhô về trước vạch xuất phát khoảng 5 - 10cm để cho trọng tâm cơ thể dồn về phía trước, mắt nhìn về trước cách vạch xuất phát 40 - 50cm. Cơ thể có 4 điểm chống trên mặt đường chạy là hai bàn tay và hai bàn chân. Giữ nguyên tư thế đó để sẵn sàng xuất phát khi nghe lệnh.

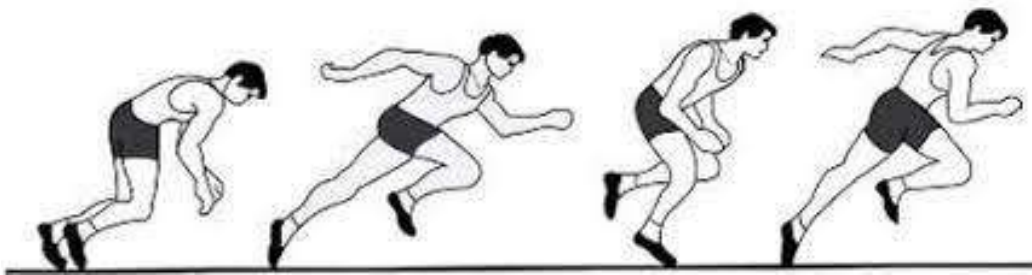
* Sau lệnh "Chạy!", xuất phát được bắt đầu bằng đạp mạnh hai chân. Đẩy hai tay rời mặt đường chạy, đồng thời đánh ngược chiều với chân. Chân sau không đạp hết, mà mau chóng đưa về trước để hoàn thành bước chạy thứ nhất. Chân phía trước phải đạp đuổi thẳng hết các khớp rồi mới rời khỏi bàn đạp, đưa nhanh về trước để thực hiện và hoàn thành bước chạy thứ hai.



b. Giai đoạn Chạy lao:

Khi hai tay rời khỏi mặt đường chạy là thời điểm bắt đầu chạy lao. Trong chạy lao, điểm đặt chân trước luôn ở sau điểm dọi của trọng tâm cơ thể (khoảng cách đó giảm dần sau mỗi bước) rồi tiến lên ngang và sau thì vượt lên trước. Cùng với việc tăng tốc độ chạy, độ ngả về trước của thân trên giảm dần, mức độ dùng sức trong cánh tay cũng giảm dần. Trong những bước đầu, hai chân đặt trên đường chạy hơi tách rộng rồi giảm dần cho tới kết thúc chạy lao mới ổn định dần thành một đường thẳng.

Tốc độ chạy lao được tăng lên chủ yếu là nhờ tăng độ dài bước chạy. Bước sau nên dài hơn bước trước 1/2 bàn chân và sau 9 - 11 bước thì ổn định.



c. Giai đoạn Chạy giữa quãng:

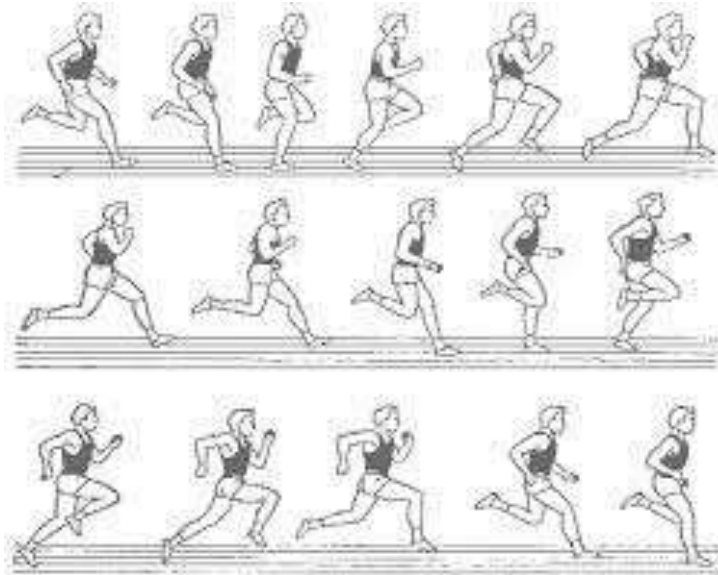
Tiếp sau chạy lao là chạy giữa quãng. Nhiệm vụ chủ yếu của chạy giữa quãng là duy trì tốc độ cao đã đạt được trong chạy lao. Trong giai đoạn này, kỹ thuật chạy khá ổn định. Kỹ thuật của chạy giữa quãng có một số đặc điểm sau:

Bàn chân đặt xuống mặt đường chạy có hoãn sung bằng cách đặt từ nửa trước của bàn chân. Điểm đặt chân thường ở phía trước của điểm dọi trọng tâm cơ thể 30 - 40cm tùy theo tốc độ chạy. Tiếp đó chân chống trước chuyển sang chống thẳng đứng rồi thành đạp sau. Đồng thời với động tác đạp sau là động tác đưa chân lẳng về trước. Đùi chân lẳng được nâng đủ cao - gần song song với mặt đất. Tốc độ chạy phụ thuộc chủ yếu vào hiệu quả đạp sau, nên động tác đó cần được thực hiện chủ động (nhanh, mạnh và đúng hướng). Để hỗ trợ cho đạp sau, chân lẳng cũng phải đưa nhanh và đúng hướng. Đùi chân lẳng về trước chứ không phải là lên cao, để không giảm hiệu quả của lực đạp sau.

Ngay khi chân chống trước chạm mặt đường, vai và hông phải chủ động chuyển về trước (giúp cơ thể chuyển nhanh từ chống trước sang đạp sau). Chuyển động của vai so với hông cũng so le như của tay với chân. Thân trên ngả về trước khoảng 5°.

Khi đánh tay, hai tay gập ở khuỷu, đánh so le và phù hợp với nhịp điệu của hai chân. Hai vai thả lỏng, đánh về trước hơi khép vào trong, đánh ra sau hơi mở (nhưng không phải là đánh sang hai bên) để giữ thăng bằng cho cơ thể. Hai bàn tay nắm hờ (hoặc duỗi các ngón tay).

Khi chạy trên toàn cự ly cảm thờ bình thường, chủ động nhưng không làm rối loạn kỹ thuật và nhịp điệu chạy.



d. Giai đoạn về đích:

Khi cách đích khoảng 15 - 20m cần tập trung hết sức lực để duy trì tốc độ. Cổ tăng độ ngả người về trước để tận dụng hiệu quả đạp sau. Người chạy hoàn thành cự ly 100m khi có một bộ phận của thân trên (trừ đầu, tay) chạm vào mặt phẳng thẳng đứng, chứa vạch đích. Bởi vậy, ở bước chạy cuối cùng, người chạy chủ động gập thân trên về trước để chạm ngực vào dây đích (mặt phẳng đích) - đây là cách đánh đích bằng ngực. Cũng có thể kết hợp vừa gập thân trên về trước vừa xoay để một vai chạm đích - đây là cách đánh đích bằng vai. Không "nhảy" về đích, vì sẽ chậm - sau khi nhảy lên cơ thể chuyển động (bay về trước) chỉ theo quán tính, nên tốc độ chậm dần đều. Sau khi về đích cần chạy tiếp vài bước theo quán tính và giữ thẳng bằng để không ngã, không dừng đột ngột và không va chạm với những người cùng về đích.



2. Một số điều luật cơ bản:

- b. Một số điều luật cơ bản trong môn chạy.
- Vận động viên xuất phát trước khi có hiệu lệnh "Chạy" sẽ bị phạm quy và sẽ bị loại.

- Ở các nội dung chạy ngắn (từ 400m trở xuống), vận động viên phải chạy theo ô và không được lấn sang ô của vận động viên khác.
- Ô chạy của mỗi VĐV có chiều rộng 1,22m - 1,25m. Vạch xuất phát và vạch đích có màu trắng, rộng 5cm. Cự li thi đấu được đo từ mép sau vạch xuất phát đến mép trước vạch đích.
- Trước khi có lệnh "Chạy" nếu 2 chân và 2 tay rời khỏi đường chạy, bàn đạp là phạm quy.
- Thời gian chạy được tính bắt đầu từ lúc có hiệu lệnh của trọng tài cho đến khi một bộ phận của cơ thể (vai, ngực) chạm mặt phẳng đích.

B. LUYỆN TẬP:

1. Khởi động: Xoay các khớp: Cổ, cổ tay, cổ chân, khớp khuỷu, khớp vai; vặn mình, xoay hông, lườn, bụng; ép dọc, ép ngang (thực hiện mỗi động tác 2x8 nhịp)

2. Tập luyện: Kỹ thuật chạy cự li ngắn (100m)

- Học sinh nghiên cứu tài liệu, kết hợp hướng dẫn của giáo viên để hiểu biết về các giai đoạn của kỹ thuật chạy cự li ngắn và một số điều luật.

- Tùy điều kiện thực tế về sân bãi, mà học sinh tự tập luyện các nội dung có thể thực hiện được tại nhà.

3. Hồi tĩnh, thả lỏng:

Sau buổi tập, học sinh thực hiện các động tác thả lỏng, hồi tĩnh: Hít thở sâu, tại chỗ thả lỏng các nhóm cơ tay, chân; các động tác căng giãn cơ.

-----HẾT-----

6. MÔN: LỊCH SỬ 9

A. LÝ THUYẾT :

Bài 11: TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. Sự hình thành trật tự thế giới mới

- Từ ngày 4→11/2/1945, nguyên thủ của các nước: Anh, Mỹ và Liên Xô đã gặp gỡ tại Yalta (Ukraina). Hội nghị đã thông qua những quyết định quan trọng về về việc phân chia khu vực ảnh hưởng giữa Liên Xô và Mĩ.

- Những thỏa thuận quy định trên đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới → Trật tự hai cực I-an-ta hình thành

II. Sự thành lập Liên hợp quốc

- Hội nghị I-an-ta còn quyết định thành lập tổ chức Liên hợp quốc với nhiệm vụ chính:

+ Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

+ Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền giữa các

dân tộc.

+ Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội, nhân đạo...

- Vai trò: duy trì hòa bình an ninh thế giới, đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, văn hóa...

- Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc vào tháng 9/1977

III. Chiến tranh lạnh

- Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch của Mỹ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa

- Biểu hiện: Mĩ và các nước đế quốc:

+ Chạy đua vũ trang.

+ Lập liên minh quân sự và căn cứ quân sự.

+ Tiên hành chiến tranh xâm lược ...

- Hậu quả: Làm hao tổn sức người sức của → thế giới căng thẳng, nguy cơ chiến tranh thế giới bùng nổ

IV. Thế giới sau chiến tranh lạnh

- Tháng 12.1989, “Chiến tranh lạnh” được tuyên bố chấm dứt → xuất hiện nhiều xu thế mới

+ Hòa hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

+ Trật tự thế giới mới hình thành theo hướng đa cực, nhiều trung tâm.

+ Các nước điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.

+ Nhiều nơi còn xảy ra xung đột hoặc nội chiến kéo dài

→ Xu thế chung của thế giới là: Hòa bình ổn định và hợp tác phát triển kinh tế.

B . LUYỆN TẬP

Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Những thỏa thuận của Hội nghị Ianta đã dẫn đến sự hình thành một trật tự thế giới như thế nào?
 - A. Trật tự thế giới một cực do Mĩ đứng đầu.
 - B. Trật tự thế giới một cực do Liên Xô đứng đầu.
 - C. Trật tự thế giới hai cực do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực.
 - D. Trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.
2. Hội nghị I-an-ta lịch sử đã diễn ra trong thời gian nào?
 - A. Từ ngày 04 đến 11 tháng 02 năm 1945.
 - B. Từ ngày 04 đến 11 tháng 03 năm 1945.
 - C. Từ ngày 04 đến 11 tháng 04 năm 1945.
 - D. Từ ngày 04 đến 11 tháng 05 năm 1945.
3. Để giữ gìn hòa bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh, Hội nghị Ianta đã quyết định vấn đề gì?
 - A. Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc.
 - B. Tổ chức trật tự thế giới sau chiến tranh.
 - C. Phân chia các khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng trên thế giới.
 - D. Thực hiện chế độ quân quản ở các nước bại trận.
4. Hậu quả do cuộc "chiến tranh lạnh" mang lại là gì?
 - A. Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.
 - B. Làm hao tổn sức người sức của.
 - C. Nguy cơ chiến tranh thế giới bùng nổ
 - D. A, B, C đúng.
5. Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt "chiến tranh lạnh" vào năm nào?
 - A. 1988.
 - B. 1989.
 - C. 1990.
 - D. 1991.
6. Bước vào thế kỉ XXI xu thế chung của thế giới ngày nay là gì?
 - A. Hòa bình ổn định và hợp tác phát triển.
 - B. Xu thế hòa hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế
 - C. Cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi.
 - D. Hòa nhập nhưng không hòa tan.
7. Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc vào thời gian nào?
 - A. Tháng 8 năm 1977
 - B. Tháng 9 năm 1977
 - C. Tháng 8 năm 1997
 - D. Tháng 7 năm 1995.

C. DẶN DÒ

- Đọc SGK bài 12 để tìm hiểu bài

- **Chuẩn bị bài 12: Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng khoa học kỹ thuật.**

+ **Đọc nội dung bài ở SGK .**

+ **Tìm 1 số hình ảnh, tư liệu về 7 thành tựu lớn của cách mạng khoa học kỹ thuật.**

+ **Tìm hiểu ý nghĩa và các tác dụng của cách mạng khoa học kỹ thuật trong cuộc sống của con người.**

-----HẾT-----

7. MÔN: TIẾNG ANH 9

NỘI DUNG TRỌNG TÂM

- **TIẾT 21 : Speak unit 4**
- **TIẾT 22 : Listen unit 4**

A. LÝ THUYẾT

- **TIẾT 21**

UNIT 4: LEARNING A FOREIGN LANGUAGE

Vocabulary

- attend /ə'tend/ (v): theo học, tham dự
 - + attendance /ə'tendəns/ (n) sự tham dự
 - + attendant /ə'tendənt/ (n) người tham dự
- course /kɔ:s/ (n): khóa học
- written examination /'rɪtn/: kỳ thi viết
- oral examination /'ɔ:rəl/: kỳ thi nói
- candidate (n): thí sinh, ứng cử viên
- award /ə'wɔ:d/ (v, n): thưởng, phần thưởng
- scholarship/'skɒləʃɪp/ (n) : học bổng
- dormitory /'dɔ:mətəri/ (n): ký túc xá
- campus /'kæmpəs/ (n) : khuôn viên trường
- reputation /,repju'teɪʃn/ (n) : danh tiếng
- experience (n, v): kinh nghiệm, trải qua
- culture /'kʌltʃə(r)/ (n): văn hóa
 - + cultural /'kʌltʃərəl/ (a): thuộc về văn hóa
- close to: gần
- scenery /'si:nəri/ (n) : phong cảnh, cảnh vật
- nation /'neɪʃn/ (n) : quốc gia, đất nước
 - + national /'næʃnəl/ (a): thuộc về quốc gia
 - + national bank ngân hàng nhà nước

GRAMMAR

1. Type 1: điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

If +S + V {s/es}, S + will/ can + V-inf.

EX:

If I get good mark, my parents will be very happy.

(Nếu tôi đạt điểm tốt, bố mẹ tôi sẽ rất vui)

If you don't do your homework, your teacher will punish you.

(Nếu bạn không làm bài tập, cô giáo của bạn sẽ phạt bạn)

Speak (Trang 34-35 SGK Tiếng Anh 9)

Gợi ý:

You: Congratulation! Thu. How wonderful you are!

Thu: Thanks.

You: I think you should take the scholarship to the Brighton Language Center. It's the best way to learn English there.

Thu: I don't understand.

You: If we go to study English in England, we can study the traditional standard English and we can learn the English culture, too.

Thu: I agree. What do you think about the language center in Brighton?

You: The center in that school has its excellent reputation.

Thu: I think so, too. Where do you think I should live?

You: I think you should live on the campus, because we can have many good chances to practice speaking English. Moreover, it's much cheaper than you live in an apartment.

Thu: Good idea!

You: And how long will the course last?

Thu: Six weeks.

You: I think it's long enough for you to improve your English.

Thu: But the tuition is very expensive! I think I should go to Brisbane Institute of English in Australia. The tuition there is much lower.

You: You may be right.

4. Listen (Trang 35 SGK Tiếng Anh 9)

Host: Kate, can I introduce you to Nga. She's studying English here in London.

Kate: Hello, pleased to meet you.

Nga: Pleased to meet you, too.

Kate: Where are you from, Nga ?

Nga: I'm from Vietnam.

Kate: Why are you studying English here?

Nga: I need it for my job.

Kate: Really ? So, what do you do ?

Nga: I work for a bank, an international bank in Hanoi.

Kate: Oh, I see. Did you learn English at school ?

Nga: Yes, and at university, too. But I've forget...er...forget...

Kate: Forgotten.

Nga: Yes, of course. I've forgotten a lot of it. I want to improve my writing skill. You know...sometime I have to write letters in English.

Kate: What about listening, Nga ?

Nga: It's terrible. This is my biggest problem. People talk very quickly and I can't understand them.

Kate: Do you like studying English ?

Nga: Oh yes. It's an interesting language and it's very useful; and I can talk to people from all over the world... and I can understand the words of my favorite songs, too.

Kate: Well. That's very good. Good luck to you, Nga

Gợi ý:

a) - True

b) - True

c) - False

=> She works for an international bank in Ha Noi.

d) - True

e) - False

=> Her listening is terrible.

f) - True

5. Read (Trang 36 SGK Tiếng Anh 9)

Lớp tiếng Anh

- đầu buổi tối

- trình độ trung cấp

- bắt đầu cuối tháng Mười/ đầu tháng Mười Một

Hội đồng ngoại ngữ

G/F, số 12 đường Nam Trang

Học tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung vào buổi sáng & buổi tối

Còn chỗ cho các lớp sơ cấp/trung cấp

Các khóa học bắt đầu vào ngày 3 tháng 11

Dạy học

Nếu bạn muốn cải thiện tiếng Anh của bạn, chúng tôi có thể giúp bạn.

Đội ngũ giáo viên của chúng tôi mở các lớp chiều, tối và cuối tuần cho các học viên mới học tiếng Anh.

Hãy đến và gặp gỡ chúng tôi tại Học viện Tiếng Anh mới ngay hôm nay.

Chúng tôi ở số 108 đường Tràng Thi.

Học viện ngôn ngữ

Sao không học nói một ngoại ngữ với mọi người?

Chúng tôi có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao

Có các lớp vào buổi sáng, chiều và tối

Các khóa học sẽ bắt đầu vào tuần đầu tiên của tháng 11

Hãy gọi số 8278787 để biết thêm thông tin chi tiết.

a. Note down information about the English classes from the advertisements. (Ghi thông tin về các lớp tiếng Anh từ các bài quảng cáo)

Gợi ý:

School	Class time	Language Level	Time to start
Academy of Language	morning, afternoon, evening	don't know	first week of Nov
Foreign Language Council	morning/evening	beginner/inter	third Nov
New English Institute	afternoon, evening, weekend	beginner	don't know

b. Read the notes Mr.Lam made. Then look at the advertisements and choose a suitable (Đọc ghi chú Ông Lâm đã viết. Sau đó xem các bài quảng cáo và chọn ngôn ngữ thích hợp cho ông ấy. Đưa ra lý do cho sự lựa chọn của bạn).

Gợi ý:

I think Mr. Lam should take an English course at the Foreign Language Council. Because in Foreign Language Council, there are classes for beginners and intermediate level students in the evening. Besides, courses start on November 3rd.

B/ LUYỆN TẬP

I. CHOOSE THE CORRECT WORD IN EACH OF THE FOLLOWING SENTENCES:

- You can comeyou want (unless – so – if – because)
- What aspectlearning English do you find most difficult? (in – from – of – on)
- When he was at Sandra's flat yesterday, Martin asked if heuse the phone (can – could – may – must)
- The restaurant has thefor serving some of the finest food (repute – reputation – reputed)
- They couldn't pass the finalbecause they were too lazy (exam – examine – examining – examiner)
- We have many well -.....teachers here (qualify – quality – qualified – qualification)
- This shirt costs95.000 VND (approximate – approximately – approximative – approximation)
- If you study at the Brighton Language Center – UK, you can live inon campus (dormitory – mobile room – hotel – private room)
- I saw your school's.....in today's edition of the Vietnam News (advertise – advertisement – advertiser – advertising)
- Learning a foreign language also includes theof that country (reputation – scenery – culture-nature)
- If you want toyour speaking, you should speak English with friends (pass – describe – express – improve)
- I can complete aEnglish test if you want (speak – spoke – spoken – speaking)

II. SUPPLY THE CORRECT FORM OF THE WORDS IN PARENTHESES:

- He is a strict.....(examine)
- This school has excellent.....(repute)
- I want toat course (attend)
- We often take part in manyactivities at school (culture)
- If you want toyour English, we can help you (improvement)
- Please phone this number for more(inform)
- I want tofor selling your house (advertisement)
- He is anof this newspaper (edit)
- This book is notin the bookstores at present (avail)
- Heanswered these questions (exact)
- If you want to pass the course, you must pass theexamination (write)
- This restaurant isfor its western meals (fame)
- The teaching staff are all well -(qualify)
- They enjoy learninglanguage like Spanish or German (foreigner)
- He's veryin looking after animals (experience)

III. FILL IN THE BLANKS , USING CONDITIONAL SENTENCE TYPE 1

- If she (invite) me, I (go)

2. If it (rain), we (cancel) the match.
3. If I (get) a promotion, I (buy) a car.
4. If she (be late), we (go) without her.
5. If you (ask) more politely, I (buy) you a drink.
6. If you (not behave), I (throw) you out.
7. If he (win) the first prize, his mother (be) happy.
8. If he (get) proper medical care, he (survive)

Answers

1. If she invites me, I will go.
2. If it rains, we will cancel the match.
3. If I get a promotion, I will buy a car.
4. If she is late, we will go without her.
5. If you ask more politely, I will buy you a drink.
6. If you don't behave, I will throw you out.
7. If he wins the first prize, his mother will be happy.
8. If he gets proper medical care, he will survive.

-----HÉT-----

8. MÔN: TIN HỌC 9

Bài 5:

BẢO VỆ THÔNG TIN MÁY TÍNH

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự an toàn của thông tin máy tính.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới sự an toàn của thông tin máy tính. Để hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố đó, ta cần thực hiện các biện pháp đề phòng cần thiết, đặc biệt, cần tập thói quen sao lưu dữ liệu (tạo bản sao của các tệp và lưu ở ổ đĩa khác) và phòng chống virus máy tính.

2. Virus máy tính và cách phòng tránh.

a/. Virus máy tính là gì? Virus máy tính là một đoạn chương trình có khả năng tự nhân bản và lây nhiễm từ máy tính này qua máy tính khác bằng nhiều con đường, nhất là qua môi trường mạng máy tính, Internet và thư điện tử.

b/. Tác hại của virus.

Virus máy tính là một trong những mối nguy hại lớn nhất cho an toàn thông tin máy tính.

c/. Các con đường lây lan của virus

- Qua việc sao chép tệp đó bị nhiễm virus.
- Qua các phần mềm bẻ khóa, các phần mềm sao chép lậu.
- Qua các thiết bị nhớ.
- Qua internet, đặc biệt là thư điện tử.
- Qua các “Lỗ hổng” của phần mềm.

d/. Phòng tránh virus

Luôn cảnh giác và ngăn chặn virus trên chính những đường lây lan của chúng.

B. LUYỆN TẬP:

1. Mức độ nhận biết:

Câu 1: Tại sao cần phải bảo vệ thông tin máy tính?

2. Mức độ thông hiểu:

Câu 2: Những khả năng nào ảnh hưởng đến an toàn máy tính?

3. Mức độ vận dụng:

Câu 3: Điền từ còn thiếu vào ô trống?

Virus máy tính là một(1)..... hay đoạn chương trình có khả năng(2)..... hay sao chép chính nó từ đối tượng bị lây nhiễm này sang đối tượng khác mỗi khi được(3)...

DẶN DÒ:

- HS lên trang lớp học làm câu hỏi luyện tập tuần 12.

-----HẾT-----

9. MÔN: VẬT LÝ 9

Chủ đề 4. TỪ TRƯỜNG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Bài 23: TỪ PHỔ - ĐƯỜNG SỨC TỪ

I. Từ phổ

1. Thí nghiệm: SGK/23.

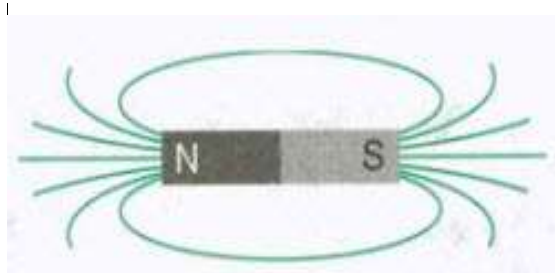
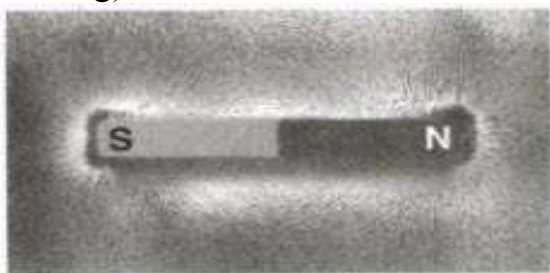
C1: Mạt sắt được sắp xếp thành những đường cong nối từ cực này sang cực kia của nam châm. Càng ra xa nam châm các đường này càng thưa dần.

2. Kết luận: SGK/63

II. Đường sức từ

1. Vẽ và xác định chiều đường sức từ

a/ Vẽ các đường liền nét từ cực nọ sang cực kia -> Biểu diễn đường sức từ của từ trường (gọi là từ trường)



b/ Đặt kim nam châm nhỏ đặt dọc theo các đường sức từ.



C2: Trên mỗi đường sức từ, kim nam châm định hướng theo một chiều nhất định.

Đường sức từ cho phép biểu diễn từ trường.

Quy ước chiều đường sức từ: Đi ra từ cực Bắc vào cực Nam bên ngoài nam châm, bên trong từ cực Nam -> Bắc.

c/ Đánh dấu mũi tên vào các đường sức từ vừa vẽ.

C3: Bên ngoài thanh nam châm, các đường sức từ đều có chiều đi ra từ cực bắc, đi vào cực nam.

2. Kết luận: sgk/64

III. Vận dụng:

C4: ở khoảng giữa hai cực của nam châm chữ U, các đường sức từ gần như song song với nhau.

- Bên ngoài là những đường cong nối 2 cực nam châm.

C5:

- Đường sức từ có chiều đi từ cực Bắc vào cực Nam của nam châm. -> đầu A của thanh nam châm là cực Bắc.

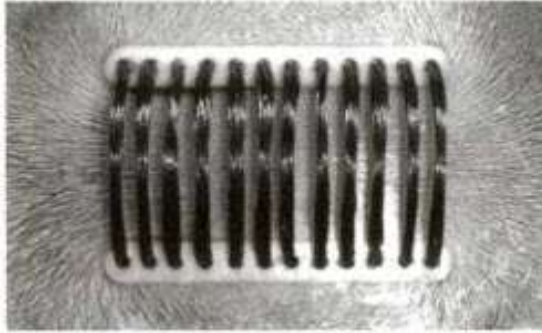
C6: Chiều đi từ cực Bắc của nam châm bên trái -> cực Nam của nam châm bên phải.

Bài 24: TỪ TRƯỜNG CỦA ỐNG DÂY CÓ DÒNG ĐIỆN CHẠY QUA

I. Từ phổ, đường sức từ của ống dây có dòng điện chạy qua

1. Thí nghiệm:

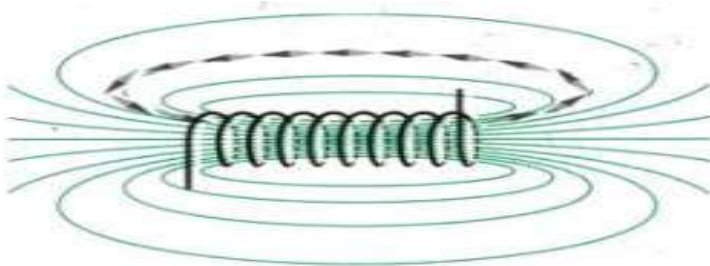
a/ Quan sát từ phổ tạo thành:



C1: Phần từ phổ ở bên ngoài ống dây có dòng điện chạy qua và bên ngoài thanh nam châm giống nhau.

- Khác nhau: trong lòng ống dây cũng có các đường magnet được sắp xếp gần như song song với nhau

b/ Vẽ đường sức từ :



C2: Đường sức từ ở bên ngoài và trong ống dây tạo thành những đường cong khép kín
c, Xác định chiều của đường sức từ.

C3: Giống như thanh nam châm, tại hai đầu ống dây, các đường sức từ cùng đi vào một đầu và cùng đi ra ở đầu kia.

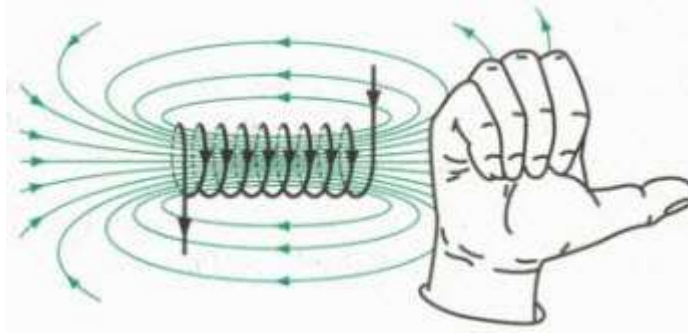
2. Kết luận: sgk/66

II. Quy tắc nắm tay phải

1. Chiều đường sức từ của ống dây có dòng điện chạy qua phụ thuộc vào yếu tố nào?

Chiều đường sức từ của ống dây phụ thuộc vào chiều của dòng điện chạy qua các vòng dây.

2. Quy tắc nắm tay phải: Nắm bàn tay phải, rồi đặt sao cho bốn ngón tay hướng theo chiều dòng điện chạy qua các vòng dây thì ngón tay cái choãi ra chỉ chiều của đường sức từ trong lòng ống dây.



III. Vận dụng:

C4: Đầu A là cực Nam, đầu B là cực Bắc

C5: Kim nam châm bị vẽ sai chiều là kim số 5. Dòng điện trong ống dây có chiều đi ra ở đầu dây B.

C6: Đầu A của cuộn dây là cực Bắc đầu B là cực Nam.

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Từ phổ là hình ảnh cụ thể về:

- A. các đường sức điện.
- B. các đường sức từ.
- C. cường độ điện trường.
- D. cảm ứng từ.

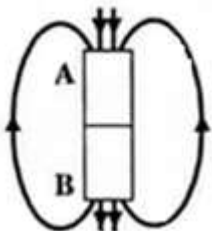
Câu 2: Độ mau, thưa của các đường sức từ trên cùng một hình vẽ cho ta biết điều gì về từ trường?

- A. Chỗ đường sức từ càng mau thì từ trường càng yếu, chỗ càng thưa thì từ trường càng mạnh.
- B. Chỗ đường sức từ càng mau thì từ trường càng mạnh, chỗ càng thưa thì từ trường càng yếu
- C. Chỗ đường sức từ càng thưa thì dòng điện đặt ở đó có cường độ càng lớn.
- D. Chỗ đường sức từ càng mau thì dây dẫn đặt ở đó càng bị nóng lên nhiều.

Câu 3: Đường sức từ là những đường cong được vẽ theo quy ước sao cho

- A. Có chiều từ cực Nam tới cực Bắc bên ngoài thanh nam châm.
- B. Có độ mau thưa tùy ý.
- C. Bắt đầu từ cực này và kết thúc ở cực kia của nam châm.
- D. Có chiều từ cực Bắc tới cực Nam bên ngoài thanh nam châm.

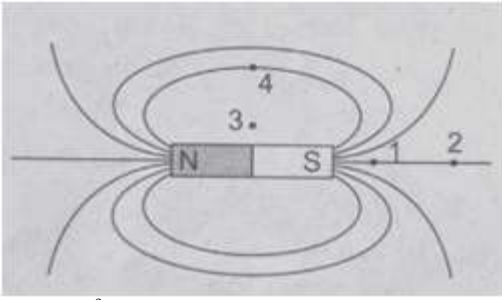
Câu 4: Chiều của đường sức từ của nam châm được vẽ như sau:



Tên các cực từ của nam châm là

- A. A là cực Bắc, B là cực Nam
- B. A là cực Nam, B là cực Bắc.
- C. A và B là cực Bắc.
- D. A và B là cực Nam.

Câu 5: Lực từ tác dụng lên kim nam châm trong hình sau đặt ở điểm nào là mạnh nhất?



- A. Điểm 1
- B. Điểm 2
- C. Điểm 3
- D. Điểm 4

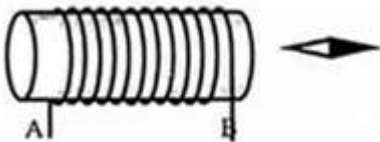
Câu 6: Nếu dùng quy tắc nắm tay phải để xác định chiều của từ trường của ống dây có dòng điện chạy qua thì ngón tay cái choãi ra chỉ điều gì?

- A. Chiều của dòng điện trong ống dây.
- B. Chiều của lực điện từ lên nam châm thử.
- C. Chiều của lực điện từ tác dụng lên cực Bắc của nam châm thử đặt ở ngoài ống dây.
- D. Chiều của lực điện từ tác dụng lên cực Bắc của nam châm thử trong lòng ống dây.

Câu 7: Quy tắc nào sau đây xác định được chiều của đường sức từ ở trong lòng một ống dây có dòng điện một chiều chạy qua?

- A. Quy tắc bàn tay phải.
- B. Quy tắc bàn tay trái.
- C. Quy tắc nắm tay phải.
- D. Quy tắc nắm tay trái.

Câu 8: Cho ống dây AB có dòng điện chạy qua. Một nam châm thử đặt ở đầu B của ống dây, khi đứng yên nằm định hướng như hình sau:



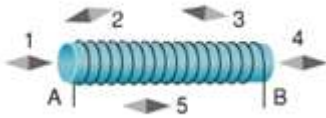
Tên các từ cực của ống dây được xác định là:

- A. A là cực Bắc, B là cực Nam.
- B. A là cực Nam, B là cực Bắc.
- C. Cả A và B là cực Bắc.
- D. Cả A và B là cực Nam.

Câu 9: Quy tắc nắm tay phải được phát biểu:

- A. Nắm tay phải, rồi đặt sao cho bốn ngón tay hướng theo chiều của đường sức từ trong lòng ống dây thì ngón tay cái choãi ra chỉ chiều dòng điện chạy qua các vòng dây.
- B. Nắm tay phải, rồi đặt sao cho bốn ngón tay hướng theo chiều dòng điện chạy qua các vòng dây thì ngón tay cái choãi ra chỉ chiều của đường sức từ trong lòng ống dây.
- C. Nắm tay phải, rồi đặt sao cho ngón tay cái hướng theo chiều dòng điện chạy qua các vòng dây thì ngón tay còn lại chỉ chiều của đường sức từ trong lòng ống dây.
- D. Nắm tay phải, rồi đặt sao cho bốn ngón tay hướng theo chiều dòng điện chạy qua các vòng dây thì ngón tay cái khom lại theo bốn ngón tay chỉ chiều của đường sức từ trong lòng ống dây.

Câu 10: Trong hình sau, kim nam châm nào bị vẽ sai?



- A. Kim nam châm số 1
- B. Kim nam châm số 3
- C. Kim nam châm số 4
- D. Kim nam châm số 5

DẶN DÒ:

- Chép lý thuyết vào vở.
- Học lý thuyết bài 23, 24.
- Hoàn tất bài tập ở trên.
- Xem trước bài 25, 26.

-----HẾT-----

10. MÔN: SINH 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Chương III : ADN VÀ GEN

BÀI 23 : ĐỘT BIẾN SỐ LƯỢNG NHIỄM SẮC THỂ

**Định nghĩa

Đột biến số lượng NST là những biến đổi về số lượng ở 1 cặp NST hay toàn bộ bộ NST

Có 2 dạng :

I. Thể Dị bội :

Là cơ thể mà trong tế bào sinh dưỡng có 1 cặp hoặc 1 số cặp NST thay đổi về số lượng

VD : Lúa bình thường $2n = 24$ NST

Lúa Dị bội $2n + 1 = 25$ NST

$2n - 1 = 23$ NST

II. Nguyên nhân phát sinh :

Do trong quá trình giảm phân tạo giao tử có 1 cặp NST nào đó không chịu phân ly dẫn đến hình thành 2 loại giao tử :

- 1 loại có cả 2 NST của cặp đó
- 1 loại không có NST nào của cặp đó
- 2 loại giao tử này khi kết hợp với giao tử bình thường sẽ tạo thành thể Dị bội

III. Vai trò thể Dị bội

Thể Dị bội thường có hại

VD: Có 3 NST số 21 ở người -> Mắc bệnh Đào (DAWN)

B. LUYỆN TẬP:

1. Sự biến đổi về số lượng NST ở 1 cặp NST thường thấy ở những dạng nào ?
2. Cơ chế hình thành thể Dị bội $2n+1$ và $2n-1$
3. Hãy nêu hậu quả của hiện tượng Dị bội thể ?

C. DẶN DÒ :

*Học thuộc bài ,

*Xem lại sơ đồ 23.2 /68 SGK

BÀI 24: ĐỘT BIẾN SỐ LƯỢNG NST (Tiếp theo)

III . Thể Đa bội :

Thể Đa bội là cơ thể mà trong tế bào sinh dưỡng có số NST là bội số của n : $3n$, $4n$, $5n$...

VD : Cà Độc dược bình thường $2n = 24$ NST

Cà Độc dược Đa bội $3n = 36$ NST

$4n = 48$ NST

IV. Vai trò thể Đa bội :

Thể Đa bội thường có lợi với thực vật vì :

-Trong tế bào có số lượng NST và ADN tăng nên

*Sự tổng hợp các chất tăng -> cây sinh trưởng mạnh , chống chịu tốt

*Kích thước của tế bào và cơ quan sinh trưởng lớn hơn

-Thế Đa bội thường được ứng dụng trong chọn giống cây trồng

B.LUYỆN TẬP :

1. Thế Đa bội là gì ? Cho VD ?
2. Sự tạo thành thế Đa bội do nguyên phân và giảm phân không bình thường xảy ra như thế nào ?
3. Có thể nhận biết thế Đa bội bằng mắt thường thông qua những dấu hiệu nào ?
Có thể ứng dụng các đặc điểm của chúng trong chọn giống cây trồng như thế nào ?

Sưu tập tư liệu mô tả 1 giống cây trồng Đa bội ở VN?

C. DẶN DÒ :

- Học bài ,trả lời các câu hỏi**
- Sưu tập vài VD đã nêu ở câu hỏi 3**
- Xem trước bài Thường biến**

-----**HẾT**-----

11. MÔN: MỸ THUẬT 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHỦ ĐỀ: MỘT SỐ NÉT TIÊU BIỂU CỦA MỸ THUẬT CHÂU Á.

TIẾT 11, 12: SƠ LƯỢC VỀ MỘT SỐ NỀN MỸ THUẬT CHÂU Á.

-Kiến trúc:

- . Ấn Độ: lăng Taj Mahal.
- . Campuchia: quần thể Angkor.
- . Trung Hoa: Vạn lý trường thành.



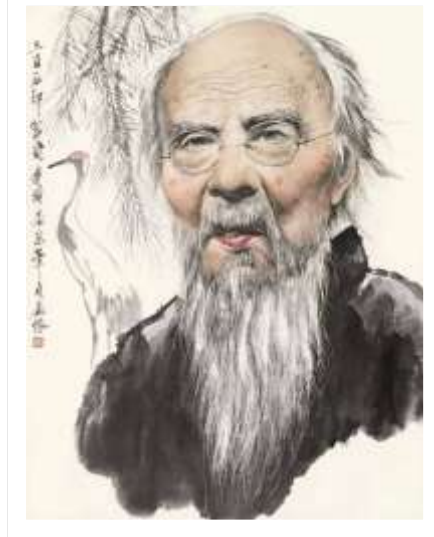
-Hội họa:

- . Nhật Bản: tranh khắc gỗ màu. Họa sư Hokusai (1760-1849).
- . Trung Hoa: tranh thủy mặc. Họa sư Tề Bạch Thạch (1864-1957).





SÓNG LŨNG Ở KANAGAWA - HOKUSAI



TRANH THỦY MẶC – TÈ BẠCH THẠCH

B. LUYỆN TẬP:

-Kể tên một số dòng tranh khắc gỗ màu ở Việt Nam. Em có nhận xét gì giữa tranh khắc gỗ màu Nhật Bản và Việt Nam?

-----HẾT-----

12. MÔN: NGỮ VĂN 9

CHỦ ĐỀ: THƠ HIỆN ĐẠI

A. LÝ THUYẾT: NỘI DUNG GHI BÀI:

Văn bản 1: ĐỒNG CHÍ Chính Hữu

I/ Đọc và tìm hiểu chú thích

1. Tác giả: Trần Đình Đắc (1926- 2007).

- Quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh
- Chuyên viết về đề tài người lính và chiến tranh.

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ: Trích tập thơ “Đầu súng trăng treo”
- Hoàn cảnh sáng tác: ra đời đầu 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc.
- Thể thơ: tự do
- Bố cục: 3 đoạn (Đoạn 1: 7 câu đầu, đoạn 2: 10 câu tiếp theo, đoạn 3: 3 câu cuối).

II/ Đọc và tìm hiểu văn bản:

1. Cơ sở hình thành tình đồng chí:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày trên sỏi đá

→ Thành ngữ

→ **Tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó**

Anh với tôi ... xa lạ quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

...chung chăn đôi tri kỷ

→ Lời thơ mộc mạc, giản dị

→ **Tình cảm thân thiết gắn bó nảy sinh trong quân ngũ**

Đồng chí!

→ *Câu thơ ngắn gọn, đặc biệt*

→ **Tình cảm thiêng liêng bất diệt.**

2. Biểu hiện tình đồng chí:

Ruộng nương ... gửi

Gian nhà không mặc kệ

Giếng nước gốc đa

→ **Chia sẻ những nỗi niềm.**

Anh với tôi ... cơn ớn lạnh ... sốt run người

Áo anh rách vai ...

Quần tôivài mảnh vá

Cười buốt giá

Chân không giày

→ Chi tiết cụ thể, chân thực, liệt kê, câu thơ sóng đôi

→ **Gắn bó, chia sẻ những gian lao, thiếu thốn.**

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

→ Hình ảnh giản dị mà hàm súc.

→ **Tình yêu thương sâu sắc, là sức mạnh giúp người lính chiến đấu và chiến thắng.**

3. Hình ảnh người lính làm nhiệm vụ:

- Đêm - rừng hoang - sương muối

- Hình ảnh đậm chất hiện thực
- **Hoàn cảnh chiến đấu khó khăn, gian khổ, hiểm nghèo.**
- Đứng cạnh... chờ giặc tới
- Tư thế chủ động sẵn sàng thể hiện ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc.
- Đầu súng trăng treo
- Hình ảnh biểu tượng, đối lập tương phản mà trở nên hòa quyện chặt chẽ.
- **Sự tinh tế, trái tim nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên tha thiết**
- ⇒ **Chất lãng mạn trong tâm hồn chiến sĩ.**

III/ GHI NHỚ : SGK/131

Văn bản 2: HDTH: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Phạm Tiến Duật

1/ Nội dung: Bài thơ khắc hoạ hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính. Qua đó, tác giả làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn thời kỳ chống Mỹ với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.

2/ Nghệ thuật:

- Khai thác chất liệu hiện thực đưa vào thơ một cách tự nhiên, mới lạ, bất ngờ.
- Giọng ngang tàng mà hóm hỉnh, phóng khoáng mà đậm chất lính.
- Ngôn ngữ bình dị, giàu tính khẩu ngữ.

3/Ghi nhớ: SGK/133

Văn bản 3: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Huy Cận

I/ Đọc và tìm hiểu chú thích :

1/ Tác giả: Huy Cận (1919 – 2005)

- Quê ở Hà Tĩnh
- Nổi tiếng trong phong trào “Thơ mới” với tập thơ “Lửa Thiêng”.
- Sau CMT8, ông giữ nhiều trọng trách trong chính quyền CM và là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại VN .

2/ Tác phẩm:

- Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác 1958, sau chuyến đi thực tế ở Quảng Ninh
- In trong tập thơ “Trời mỗi ngày lại sáng” (1958)
- Thể thơ: thơ tự do – 7 tiếng.
- Đại ý: Ca ngợi thiên nhiên, đất nước, con người trong lao động xây dựng đất nước.

-Bố cục: 3 phần:

+ Phần 1: Hai khổ đầu:

-> Cảnh đoàn thuyền ra khơi và tâm trạng của con người.

+ Phần 2: Bốn khổ tiếp:

-> Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển.

+ Phần 3: Khổ cuối:

-> Cảnh đoàn thuyền trở về.

II/ Đọc và tìm hiểu văn bản :

1/ Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa,
Sóng đã cài then, đêm sập cửa”

→ So sánh, nhân hoá.

⇒ **Vẻ đẹp rực rỡ, tráng lệ của biển khơi về đêm.**

“Câu hát căng buồm với gió khơi”

→ hình ảnh thơ độc đáo.

→ **Khí thế lao động hào hùng, tươi vui.**

“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng

.....
.....

Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!”

-> Liệt kê, so sánh: ngợi ca, tự hào về sự giàu có của biển với những loài cá quý.

-> nhân hóa, ẩn dụ, câu cảm thán: vẻ đẹp lung linh, kì ảo của biển đêm.

→ **Vẻ đẹp kì ảo của biển và mong ước thành quả lao động tốt đẹp.**

B. LUYỆN TẬP:

- Học thuộc lòng bài thơ “Đoàn chí” và ghi nhớ SGK.
- Nắm vững nội dung và nghệ thuật của từng khổ thơ.
- Tìm thêm các bài thơ khác viết về đề tài người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Đọc bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”, tìm hiểu những nét tiêu biểu về tác giả Huy Cận.
- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ, thể thơ, phương thức biểu đạt, bố cục.
- Tìm hiểu từ khó (SGK/133)
- Tiếp tục đọc và tìm hiểu phần còn lại của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”.

B. LUYỆN TẬP: Viết 1 đoạn văn cảm nhận về một nhân vật đã học, trong đó có sử dụng một lời dẫn trực tiếp, gạch dưới lời dẫn trực tiếp đã sử dụng.

-----HẾT-----

13. MÔN: GD CD 9

CHỦ ĐỀ : NĂNG ĐỘNG , SÁNG TẠO ĐỂ LÀM VIỆC CÓ NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ (TIẾT 4 – BÀI TẬP) .

LÝ THUYẾT (Nội dung cần học)

NỘI DUNG BÀI HỌC:

HS học thuộc nội dung bài học (1,2,3- hs đã học ở tuần 10 và 11)

B . LUYỆN TẬP :

Câu 1: Em hãy nêu 3 việc làm thể hiện năng động , sáng tạo và làm việc có năng suất ,chất lượng và hiệu quả ?

Câu 2:Em tán thành hay không tán thành những quan điểm nào sau đây ? Vì sao ?

a/ Học sinh nhỏ tuổi chưa thể sáng tạo được .

b/ Chỉ có trong lĩnh vực kinh doanh mới năng động sáng tạo .

c/ Năng động , sáng tạo là phẩm chất cần có của con người trong mọi thời đại .

Câu 3 :Tại sao làm việc gì cũng đòi hỏi phải có năng suất , chất lượng và hiệu quả ? Cho ví dụ ?

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI TẬP :

Câu 1 :

- Học sinh tích cực , tự giác trong học tập .
- Chế tạo ra máy móc để phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp (máy gặt lúa , máy cày ...)
- Học sinh giải bài toán bằng nhiều cách khác nhau và có cùng đáp số

Câu 2 :

- Tán thành câu c vì trong mọi thời đại con người đều thể hiện năng động sáng tạo phù hợp với xã hội và thời đại họ đang sống (vd : trong lịch sử ông cha ta đã biết sáng tạo – BẾP HOÀNG CÀM , bếp không khói để khi nấu ăn địch không phát hiện ...trong thời đại hiện đại có rất nhiều máy móc mà con người chế tạo ra như : máy liên hợp trong nông nghiệp (vừa gặt lúa , suốt lúa và xới đất)) .

Câu 3 : Vì làm việc có năng suất chất lượng và hiệu quả thì công việc (sản phẩm) chúng ta làm ra mới đạt kết quả tốt .

Vd: 1 học sinh khi làm bài kiểm tra 1 tiết môn toán (10 câu)

Năng suất : 10 Câu hỏi .

Chất lượng : câu trả lời đúng .

Hiệu quả : 10 điểm .

Nếu học sinh làm bài chỉ chú ý đến năng suất mà không chú ý đến chất lượng thì điểm không cao .

Nếu học sinh làm bài chỉ chú ý chất lượng mà không chú ý đến năng suất thì điểm dưới trung bình .

→ Cho nên làm bất kì công việc gì đòi hỏi chúng ta phải chú ý đến năng suất , chất lượng thì mới đạt hiệu quả cao .

C . DẶN DÒ :

- Học nội dung bài học (1,2,3) , xem lại bài tập GV đã giải .
- Đọc trước bài 4 : Bảo vệ hòa bình (SGK TR12 – TR15) .

-----HẾT-----

***** HỌC SINH GHI CHÉP LẠI CÂU HỎI, THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BỘ MÔN THEO MẪU DƯỚI ĐÂY!!!**

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS:

Lớp:

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Hóa học		
5	GDCD		
6	Tin học		
7	Công nghệ		
8	Sinh học		

9	Mỹ thuật		
10	Thê dục		
11	Tiếng Anh		
12	Lịch sử		
13	Địa lý		